

Số: 777/2022/QĐST-HNGĐ

Đông B, ngày 29 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 693/2022/TLST- HNGĐ ngày 27/10/2022, giữa:

Nguyên đơn: B Nguyễn Văn A, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tập thể X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thục B, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: Tập thể X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Thôn X1, xã X2, huyện Z, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/11/2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/11/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: B Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thục B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: B Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thục B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 102, đăng ký ngày 24/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội cấp cho B Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thục B không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung:** B Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thục B có 02 con chung là cháu Nguyễn Dương M, sinh ngày 07/02/2014 và cháu Nguyễn Dương N, sinh ngày 28/02/2017.

Sau ly hôn, B A trực tiếp nuôi dưỡng cháu M; Chị Thục B trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi từng con chung thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác.

B A, chị Thục B đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** B Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thục B đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về án phí:** Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, B A chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí B A đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: **47121** ngày 27/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Anh A được trả lại 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Nơi nhân:

- VKSND huyện Đông Anh;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Lâm Bình

